



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ĐÔNG Á
CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Lê Văn Lớ	Chủ tịch
Ông Hoàng Trọng Nguyên	Phó chủ tịch
Ông Lê Xuân Thắng	Thành viên
Ông Nguyễn Cảnh Thắng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên
Ông Nguyễn Bá Lai	Thành viên
Ông Hoàng Văn Tuế	Thành viên

Ban Tổng giám đốc

Ông Lê Văn Lớ	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bá Lai	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Trọng Nguyên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Xuân Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Văn Tuế	Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán Đông Á (AEA)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Lê Văn Lữ

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2012

Số: 10/2012/BCSX-AEA

BÁO CÁO SOÁT XÉT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012
của Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 được lập ngày 24 tháng 7 năm 2012 của Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây (gọi tắt là "Công ty") từ trang 5 đến trang 23 kèm theo. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc trang 2, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến soát xét về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc soát xét.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc soát xét để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên các thông tin tài chính; Công tác này cung cấp mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012, phù hợp với các chuẩn mực và chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Nguyễn Hữu Đông
Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0140/KTV
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán Đông Á
Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2012



Nguyễn Văn Vụ
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0683/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Mẫu B 01-DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		256.173.260.011	253.254.472.136
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		18.070.615.790	22.973.454.762
1. Tiền	111	V.1	18.070.615.790	22.973.454.762
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		73.601.173.433	76.811.348.506
1. Phải thu khách hàng	131		65.204.464.566	62.153.724.765
2. Trả trước cho người bán	132		5.977.308.542	13.107.205.810
5. Các khoản phải thu khác	135	V.2	2.818.405.146	2.099.422.752
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(399.004.821)	(549.004.821)
IV. Hàng tồn kho	140	V.3	154.393.896.186	144.329.229.305
1. Hàng tồn kho	141		154.393.896.186	144.329.229.305
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		10.107.574.602	9.140.439.563
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.332.834.602	2.394.339.563
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		6.774.740.000	6.746.100.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		46.272.406.676	50.838.413.041
II. Tài sản cố định	220		44.182.657.926	48.748.664.291
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.4	37.450.030.658	42.016.037.023
- Nguyên giá	222		155.138.982.525	151.904.988.890
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(117.688.951.867)	(109.888.951.867)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.5	6.732.627.268	6.732.627.268
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2.000.000.000	2.000.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.6	2.000.000.000	2.000.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		89.748.750	89.748.750
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	89.748.750	89.748.750
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		302.445.666.687	304.092.885.177

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

MẪU B 01-DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		177.711.034.854	184.619.361.620
I. Nợ ngắn hạn	310		176.471.334.854	182.706.591.620
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.8	135.990.722.097	145.693.610.639
2. Phải trả người bán	312		30.359.051.004	19.994.118.023
3. Người mua trả tiền trước	313		1.201.251.699	8.700.689.934
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.9	1.615.509.643	2.054.546.772
5. Phải trả người lao động	315		2.574.737.270	3.796.814.944
6. Chi phí phải trả	316	V.10	825.235.110	377.442.740
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.11	3.555.075.962	2.023.001.683
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		349.752.069	66.366.885
II. Nợ dài hạn	330		1.239.700.000	1.912.770.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.12	939.700.000	1.612.770.000
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		300.000.000	300.000.000
B. NGUỒN VỐN	400		124.734.631.833	119.473.523.557
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	124.734.631.833	119.473.523.557
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		62.826.020.000	62.826.020.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		29.335.312.000	29.335.312.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		20.603.424.946	18.885.848.301
4. Cổ phiếu quỹ	414		(15.130.000)	(15.130.000)
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		355.604.209	(1.573.341)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		89.249.865	89.249.865
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.961.609.536	4.122.602.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		6.578.541.277	4.231.194.732
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		302.445.666.687	304.092.885.177



Lê Văn Lớ
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2012

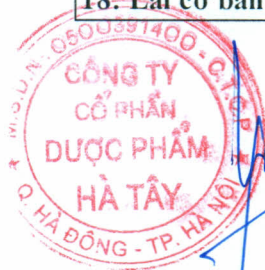
Hoàng Văn Tuế
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

Mẫu B 02-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	355.725.227.354	306.798.090.343
2. Các khoản giảm trừ	02	VI.1	51.790.896	145.951.631
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	355.673.436.458	306.652.138.712
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	307.414.055.866	260.464.110.096
5. Lợi nhuận gộp về hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		48.259.380.592	46.188.028.616
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	6.267.742.224	3.825.689.576
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	12.868.186.236	11.106.703.000
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		12.032.501.333	10.858.442.329
8. Chi phí bán hàng	24		19.155.309.625	15.222.570.096
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		13.732.238.587	10.652.959.885
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.771.388.368	13.031.485.211
11. Thu nhập khác	31		-	500.000
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		-	500.000
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.771.388.368	13.031.985.211
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.5	2.192.847.091	3.236.746.302
17. Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.578.541.277	9.795.238.909
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	1.048	2.376



Lê Văn Lớ
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2012

Hoàng Văn Tuế
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

Mẫu B 03-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	276.950.394.406	297.493.605.378
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(239.393.778.018)	(267.931.115.410)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(19.047.801.943)	(19.176.389.646)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(12.375.581.963)	(10.858.442.329)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(2.583.915.646)	(2.217.055.818)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	22.697.857.399	2.237.377.049
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(20.712.801.480)	(20.056.961.960)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	5.534.372.755	(20.508.982.736)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(3.557.393.000)	(294.461.818)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	500.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.496.139.815	3.324.608.859
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(61.253.185)	3.030.647.041
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	193.580.701.515	210.238.419.426
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(203.956.660.057)	(184.576.464.505)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(10.375.958.542)	25.661.954.921
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(4.902.838.972)	8.183.619.226
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	22.973.454.762	20.126.639.002
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	15.274.608
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	18.070.615.790	28.325.532.836



Lê Văn Lớ
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2012

Hoàng Văn Tuế
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 1911/QĐ/UB ngày 21/12/2000 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây. Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 030300015 ngày 10/01/2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây cấp. Công ty có 12 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0500391400 ngày 27/12/2011 với Vốn điều lệ là: 62.826.020.000 đồng (Sáu mươi hai tỷ tám trăm hai mươi sáu triệu không trăm hai mươi nghìn đồng chẵn).

Trụ sở: Số 10A, phố Quang Trung, Phường Quang Trung, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Công ty đã niêm yết cổ phiếu tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội, mã chứng khoán: DHT

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu (chi tiết: Doanh nghiệp sản xuất thuốc);
- Dạy nghề, giáo dục trung cấp chuyên nghiệp, giáo dục nghề nghiệp;
- Kinh doanh vacxin, sinh phẩm y tế;
- Kinh doanh siêu thị, dịch vụ nhà ở, văn phòng;
- Kinh doanh bất động sản, dịch vụ nhà đất;
- Mua bán hóa chất và hóa chất xét nghiệm (Trừ loại hóa chất nhà nước cấm);
- Xuất nhập khẩu dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm thuốc và trang thiết bị y tế;
- Sản xuất kinh doanh dược phẩm, dược liệu, mỹ phẩm, thực phẩm thuốc và trang thiết bị y tế;
- Nhà thuốc, quầy thuốc, đại lý bán thuốc của doanh nghiệp.

Các chi nhánh và cửa hàng của Công ty

TT	Tên	Địa chỉ
1	Chi nhánh Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Số 17, lô 5, tổ 41, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội
2	Chi nhánh Công ty CP Dược phẩm Hà Tây tại Nghệ An	Số 18 Trần Nhật Duật, Đội Cung, TP Vinh, Nghệ An
3	Chi nhánh Dược phẩm Hà Đông	Số 10 Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
4	Chi nhánh Dược phẩm Ba Vì	Thị trấn Tây Tăng, Ba Vì, Hà Nội
5	Chi nhánh Dược phẩm Phúc Thọ	Xã Vọng Xuyên, huyện Phúc Thọ, Hà Nội
6	Chi nhánh Dược phẩm Hoài Đức	Thị trấn Trôi, Hoài Đức, Hà Nội
7	Chi nhánh Dược phẩm Đan Phượng	Thị trấn Phùng, Đan Phượng, Hà Nội
8	Chi nhánh Dược phẩm Thường Tín	Số 251 Phố Ga, Thường Tín, Hà Nội
9	Chi nhánh Dược phẩm Phú Xuyên	Tiểu khu Mỹ Lâm, Phú Xuyên, Hà Nội
10	Chi nhánh Dược phẩm Ứng Hoà	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hoà, Hà Nội
11	Chi nhánh Dược phẩm Sơn Tây	Số 03 Nguyễn Thái Học, Thị xã Sơn Tây, Hà Nội
12	Chi nhánh Dược phẩm Thạch Thất	Xã Kim Quang, Thạch Thất, Hà Nội
13	Chi nhánh Dược phẩm Mỹ Đức	Thị trấn Đại Nghĩa, Mỹ Đức, Hà Nội
14	Chi nhánh Dược phẩm Thanh Oai	Thị trấn Kim Bài, Thanh Oai, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

15	Chi nhánh Dược phẩm Quốc Oai	Thị trấn Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội
16	Chi nhánh Dược phẩm Chương Mỹ	Thị trấn Chúc Sơn, Chương Mỹ, Hà Nội
17	Chi nhánh Đông dược, vật tư y tế	78 Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
18	Các phân xưởng sản xuất	Phường La Khê, quận Hà Đông, Hà Nội
19	Kho thuốc Xuất nhập khẩu	101 phố Nguyễn Việt Xuân, Hà Đông, Hà Nội

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung trên phần mềm kế toán VIETSUN

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do nhà thầu thực hiện là giá trị quyết toán cuối cùng của công trình cộng các chi phí liên quan trực tiếp và chi phí đăng ký, nếu có.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6
Máy móc, thiết bị	3 – 7
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 6

Các khoản đầu tư tài chính

Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dược và Thiết bị y tế Hà Tây chiếm 6,41% Vốn điều lệ của Công ty này. Khoản đầu tư dài hạn này được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư. Vốn góp của Công ty vào Công ty Cổ phần Dược và Thiết bị y tế Hà Tây là quyền sử dụng 5.000 m² đất tại Điểm Công nghiệp Phú Lãm trên địa bàn xã Phú Lãm, Hà Đông, Hà Nội.

Chi phí đi vay

Lãi suất đi vay là 1% - 1,3%/tháng với các khoản vay cá nhân, có thể biến động theo lãi suất ngân hàng.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính. Riêng chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được vốn hoá để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ sau là các công cụ dụng cụ thuộc loại tài sản lưu động xuất dùng một lần với giá trị lớn và công cụ, dụng cụ có thời gian sử dụng dưới một năm và các chi phí liên quan sửa chữa nhà.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty là khoản trích trước chi phí lãi vay đối với các hợp đồng vay quy định trả lãi vay sau. Giá trị ghi nhận được xác định dựa vào hợp đồng, kế ước vay và thời gian vay thực tế.

Các khoản vay

Các khoản vay ngắn hạn (dài hạn) của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, kế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng. Riêng các khoản vay huy động vốn từ cán bộ công nhân viên trong Công ty được ghi nhận theo phiếu thu, hợp đồng vay.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	5.726.086.966	5.620.733.220
Tiền gửi ngân hàng	12.344.528.824	17.352.721.542
	18.070.615.790	22.973.454.762

2. Các khoản phải thu khác

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Cửa hàng Nam Bắc	200.000.000	200.000.000
Quầy trung tâm Quang Trung	400.000.000	400.000.000
Công ty CP Bao bì và In Nông nghiệp	703.140	8.980.140
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Đông Á	1.917.702.006	1.190.442.612
Chi nhánh Dược phẩm Hoài Đức	300.000.000	300.000.000
Cộng	2.818.405.146	2.099.422.752

3. Hàng tồn kho

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	67.764.467.242	60.555.674.335
Công cụ, dụng cụ	429.285.974	434.334.900
Hàng hóa	86.200.142.970	83.339.220.070
Giá gốc hàng tồn kho	154.393.896.186	144.329.229.305

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

4. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2012	58.714.778.588	79.162.325.463	7.498.852.383	6.529.032.456	151.904.988.890
Mua trong kỳ	-	113.636.364	-	91.909.091	205.545.455
Đầu tư XDCB hoàn thành	3.028.448.180	-	-	-	3.028.448.180
Tại ngày 30/06/2012	61.743.226.768	79.275.961.827	7.498.852.383	6.620.941.547	155.138.982.525
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2012	35.143.358.720	66.795.795.277	3.516.631.091	4.433.166.779	109.888.951.867
Khấu hao trong kỳ	4.223.000.000	2.510.000.000	474.000.000	593.000.000	7.800.000.000
Tại ngày 30/06/2012	39.366.358.720	69.305.795.277	3.990.631.091	5.026.166.779	117.688.951.867
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2012	23.571.419.868	12.366.530.186	3.982.221.292	2.095.865.677	42.016.037.023
Tại ngày 30/06/2012	22.376.868.048	9.970.166.550	3.508.221.292	1.594.774.768	37.450.030.658

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 71.393.120.478 VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Chi phí xây dựng xưởng Đông Dược	6.000.000.000	6.000.000.000
Chi phí thiết kế xưởng Đông Dược	249.337.273	249.337.273
Chi phí thẩm tra thiết kế xưởng Đông Dược	28.744.545	28.744.545
Chi phí điện lạnh cho xưởng Đông Dược	454.545.450	454.545.450
Cộng	6.732.627.268	6.732.627.268

6. Đầu tư dài hạn khác

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Cty CP Dược và Thiết bị Y tế Hà Tây	2.000.000.000	2.000.000.000
	2.000.000.000	2.000.000.000

7. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Chi phí thuê nhà	89.748.750	89.748.750
	89.748.750	89.748.750

8. Vay và nợ ngắn hạn

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Vay ngắn hạn	135.990.722.097	143.901.610.639
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây (1)	8.247.506.117	11.692.724.860
Ngân hàng Ngoại thương - CN Hà Tây (2)	52.619.449.610	59.568.451.903
Ngân hàng Công thương - CN Hà Tây (3)	50.286.464.996	45.064.573.870
Ngân hàng HSBC (4)	7.691.869.450	13.688.923.469
Vay cá nhân khác	17.145.431.924	13.886.936.537
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	1.792.000.000
Ngân hàng Ngoại thương - CN Hà Tây	-	1.792.000.000
	135.990.722.097	145.693.610.639

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

(1) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Đầu tư và phát triển theo hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 177578/2011/HĐTDHM ngày 20/06/2011, lãi suất và thời hạn vay được quy định theo từng giấy nhận nợ.

(2) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Vietcombank theo hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 62/11/HM- DHT/VCBHT ngày 08/06/2011, lãi suất và thời hạn vay được quy định theo từng giấy nhận nợ, tài sản thế chấp 65.433.875.954 VND theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 28/11/NVL/VCBHT ngày 23/03/2011.

(3) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Công Thương theo hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 01/2011/HĐTD/Viettinbank-Hataphar ngày 04/01/2011 và hợp đồng số 02/2011/HĐTD/Viettinbank-Hataphar ngày 01/09/2011, lãi suất và thời hạn vay được quy định theo từng giấy nhận nợ.

(4) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Hồng Kông Thượng Hải theo Gia hạn thư đề nghị cung cấp tiện ích chung tài khoản số 002 - 102465 ngày 09/06/2011, lãi suất cho vay là lãi suất cho vay cơ bản cộng 2%/ năm và thời hạn tùy theo quy định ngân hàng.

9. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng	48.726.695	48.726.695
Thuế xuất, nhập khẩu	68.217.354	116.415.828
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.492.847.091	1.883.915.646
Các loại thuế khác	5.718.503	5.488.603
	1.615.509.643	2.054.546.772

10. Chi phí phải trả

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Lãi vay phải trả BIDV	20.618.800	38.785.283
Lãi vay phải trả Vietinbank	628.580.800	-
Lãi vay phải trả Vietcombank	109.623.900	151.569.738
Lãi vay phải trả ngân hàng HSBC	32.049.500	69.965.609
Lãi vay phải trả trái phiếu, cá nhân	34.362.110	117.122.110
	825.235.110	377.442.740

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	1.448.175.568	235.888.305
Tiền nhà CBCNV	1.060.721.963	816.496.963
Đền bù giải phóng mặt bằng	325.792.000	325.792.000
Phí chuyển nhượng	338.615.100	338.615.100
Các khoản phải trả, phải nộp khác	381.771.331	306.209.315
	3.555.075.962	2.023.001.683

12. Vay và nợ dài hạn

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay dài hạn	939.700.000	1.612.770.000
Ngân hàng Ngoại thương - CN Hà Tây	-	834.570.000
Cá nhân	939.700.000	778.200.000
	939.700.000	1.612.770.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

13. Vốn chủ sở hữu

a, Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2011	41.226.020.000	26.849.000.000	13.367.300.656	-	137.940.687	89.249.865	4.122.602.000	15.418.223.273	101.210.336.481
Vốn góp bổ sung	21.600.000.000	2.486.312.000	5.518.547.645	-	-	-	-	-	29.604.859.645
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	16.780.150.732	16.780.150.732
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	-	-	-	(14.843.023.273)	(14.843.023.273)
Tặng khác	-	-	-	(15.130.000)	-	-	-	-	(15.130.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(12.548.956.000)	(12.548.956.000)
Thưởng ban điều hành	-	-	-	-	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-	(139.514.028)	-	-	(75.200.000)	(214.714.028)
Tại ngày 31/12/2011	62.826.020.000	29.335.312.000	18.885.848.301	(15.130.000)	(1.573.341)	89.249.865	4.122.602.000	4.231.194.732	119.473.523.557
Vốn góp bổ sung	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tặng khác	-	-	-	-	357.177.550	-	-	-	357.177.550
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	6.578.541.277	6.578.541.277
Phân phối các quỹ	-	-	1.717.576.645	-	-	-	839.007.536	(3.731.194.732)	(1.174.610.551)
Thưởng ban điều hành	-	-	-	-	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Tại ngày 30/06/2012	62.826.020.000	29.335.312.000	20.603.424.946	(15.130.000)	355.604.209	89.249.865	4.961.609.536	6.578.541.277	124.734.631.833

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

b, Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vốn nhà nước	2.114.860.000	2.114.860.000
Quỹ đầu tư phát triển Hà Tây	3.352.670.000	3.352.670.000
Lê Văn Lớ	2.321.720.000	4.436.180.000
Ngô Văn Chính	2.033.780.000	1.233.780.000
Nguyễn Văn Minh	1.133.200.000	1.133.200.000
Các cổ đông khác	51.869.790.000	50.555.330.000
Cộng	62.826.020.000	62.826.020.000

c, Cổ phiếu

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.282.602	4.122.602
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.282.602	4.122.602
- Cổ phiếu phổ thông	6.282.602	4.122.602
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đã được mua lại	1.513	-
- Cổ phiếu phổ thông	1.513	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.281.089	4.122.602
- Cổ phiếu phổ thông	6.281.089	4.122.602
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	355.725.227.354	306.798.090.343
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	355.725.227.354	306.798.090.343
Các khoản giảm trừ doanh thu	51.790.896	145.951.631
- Giảm giá hàng bán	51.790.896	145.951.631
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	355.673.436.458	306.652.138.712
- Doanh thu thuần về bán hàng hóa, thành phẩm	355.673.436.458	306.652.138.712
Cộng	355.725.227.354	306.798.090.343

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	307.414.055.866	260.464.110.096
	307.414.055.866	260.464.110.096

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.267.742.224	3.239.608.859
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	85.000.000
Lãi chênh lệch tỉ giá đã thực hiện	-	501.080.717
	6.267.742.224	3.825.689.576

4. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Lãi tiền vay	12.032.501.333	10.858.442.329
Lỗ chênh lệch tỉ giá đã thực hiện	2.999.620	189.628.196
Chi phí tài chính khác	832.685.283	58.632.475
Cộng	12.868.186.236	11.106.703.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (TIẾP THEO)

5. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	8.771.388.368	13.031.985.211
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	-
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	(85.000.000)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
Thu nhập chịu thuế	8.771.388.368	12.946.985.211
Thuế suất	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.192.847.091	3.236.746.302
Thuế thu nhập được giảm	-	-
Tổng cộng thuế thu nhập doanh nghiệp	2.192.847.091	3.236.746.302

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế	6.578.541.277	9.795.238.909
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.578.541.277	9.795.238.909
Cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	6.274.478	4.122.602
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.048	2.376

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch các bên liên quan

Trong kỳ, Công ty phát sinh giao dịch với các bên liên quan

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
<i>Doanh thu</i>		
Công ty CP Dược và Thiết bị Y tế Hà Tây	13.858.010.253	4.445.991.687
<i>Mua hàng</i>		
Công ty CP Dược và Thiết bị Y tế Hà Tây	2.523.066.088	2.432.449.700

Thu nhập Ban giám đốc được hưởng

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Lương và thưởng Ban giám đốc	1.462.908.700	1.152.287.500

Số dư với các bên liên quan tại ngày 30/6/2012

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
<i>Phải thu</i>		
Công ty CP Dược và Thiết bị Y tế Hà Tây	4.369.306.650	4.851.271.680
<i>Các khoản vay</i>		
Lê Văn Lớ	1.158.898.701	125.276.390
Nguyễn Bá Lai	324.543.200	324.543.200

2. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2012 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định Giá Việt Nam.



Lê Văn Lớ
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2012

Hoàng Văn Tuế
Kế toán trưởng